

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ
tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDDT ngày 20 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDDT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-ĐHBK ngày 05/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chức năng thuộc Trường Đại học Bách khoa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các phòng chức năng, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Đại học Đà Nẵng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. ĐOÀN QUANG VINH

QUY ĐỊNH

Đào tạo trình độ tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 405/QĐ-DHBK ngày 05 tháng 03 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này được xây dựng căn cứ trên Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư 08); Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ trường đại học. Những nội dung không đề cập đến trong Quy định này được thực hiện theo Thông tư 08.

3. Quy định về tuyển sinh để đào tạo trình độ tiến sĩ thực hiện theo Quyết định số 2700/QĐ-ĐHĐN ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) về tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, đơn vị liên quan đến công tác đào tạo tiến sĩ của Trường; các nghiên cứu sinh (NCS) của Trường.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do hai bên cùng cấp bằng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị chuyên môn là Khoa/ Bộ môn quản lý ngành đào tạo tiến sĩ.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tiến sĩ là yêu cầu về chất lượng luận án, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực người học phải đạt được sau khi kết thúc chương trình đào tạo tiến sĩ.

Điều 4. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng

1. Luận án tiến sĩ phải được đánh giá bằng các tiêu chí từng bước tiếp cận chuẩn mực quốc tế. Các kết quả chính của luận án phải là các công bố khoa học trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

2. Nội dung chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy - học tập, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lý phải hướng đến chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Có đầy đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định khi mở ngành, duy trì ngành và mở rộng quy mô.

4. Công tác đào tạo gắn liền với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; gắn kết hoạt động đào tạo với hoạt động nghiên cứu của các “Nhóm nghiên cứu - giảng dạy”.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.

Chương II

NGÀNH VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Ngành, chuyên ngành đào tạo

1. Ngành, chuyên ngành đào tạo tiến sĩ của Trường được xây dựng theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017.

2. Đối với trường hợp chưa có trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ tiến sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường đề xuất tên ngành thí điểm trên nguyên tắc phù hợp với phân loại khoa học các ngành, chuyên ngành và có tham khảo ngành đào tạo của các đại học tiên tiến.

Điều 6. Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Khung trình độ quốc gia).

2. Quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường được thực hiện theo Quyết định số 418/QĐ-ĐHBK ngày 28/10/2016 của Hiệu trưởng Trường.

3. Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

4. Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường được thực hiện theo Quyết định số 420/QĐ-ĐHBK ngày 28/10/2016 của Hiệu trưởng Trường.

5. Kết cấu chương trình đào tạo tiến sĩ bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

6. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Căn cứ kết luận và đề nghị của Hội đồng xét học bổ sung, Hiệu trưởng quyết định số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung.

b) Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ: số học phần và khối lượng tín chỉ cần phải học bổ sung được xác định căn cứ vào các học phần NCS đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

c) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

7. Các học phần ở trình độ tiến sĩ nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Số lượng học phần ở trình độ tiến sĩ từ 6 đến 9, với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó:

a) Tiêu luận tổng quan (2 tín chỉ) và 02 hoặc 03 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 2 tín chỉ/chuyên đề là các học phần bắt buộc.

b) Tiêu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

c) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

8. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

9. Trường có thể sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của đại học nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 21, Điều 1 Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 7. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức theo hình thức giáo dục chính quy, tập trung. NCS sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu kể từ khi có quyết định công nhận NCS.

2. Thời gian khóa đào tạo trình độ tiến sĩ, tính từ khi có quyết định công nhận NCS đến thời điểm được Hội đồng đánh giá luận án thông qua, là 3 năm đối với NCS có bằng thạc sĩ; là 4 năm đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

3. NCS hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong thời gian quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung liên tục tại Trường, phải đóng phí theo quy định của Trường.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 27 của Quy định này) thì Hiệu trưởng quyết định cho NCS thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

5. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu NCS có kết quả nghiên cứu xuất sắc và hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 1, 3 và 5 của Điều 6 của Quy định này.

Điều 8. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ tiến sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho đại học chính quy của Trường, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan.

2. Việc tổ chức dạy - học các học phần bổ sung, các học phần trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Trường. Đối với các học phần chung (nếu có), nghiên cứu sinh có thể học tại cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN có học phần trong chương trình đào tạo hoặc tương đương, khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trường.

3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo tiến sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, xử lý các vấn đề thực tiễn.

4. Đầu khóa học, Trường thông báo cho NCS về quy định đào tạo, chương trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch học tập toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo, kế hoạch kiểm tra, quy định về nội dung và hình thức đánh giá học phần, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ, điểm yêu cầu tối thiểu, quy trình và thủ tục bảo vệ luận án và các quy định khác có liên quan đến khóa học.

5. Hiệu trưởng có trách nhiệm đầu tư cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thí nghiệm hoặc hợp đồng với các tổ chức để đảm bảo điều kiện học tập, nghiên cứu, thử nghiệm cho NCS phù hợp với yêu cầu của ngành và chương trình đào tạo.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. Lớp khóa học

a) Lớp khóa học tổ chức cho những NCS thuộc cùng một ngành đào tạo trong cùng một khóa học, ổn định từ đầu khóa đến khi kết thúc khóa học, để quản lý nghiên cứu sinh.

b) Khoa đào tạo bố trí cán bộ phụ trách lớp để phối hợp với Phòng Đào tạo quản lý lớp, quản lý NCS, lập kế hoạch học tập và tổ chức các hoạt động liên quan đến lớp học.

2. Lớp học phần

a) Lớp học phần được Trường tổ chức cho những NCS đăng ký cùng một học phần trong cùng một học kỳ.

b) Khoa tổ chức giảng dạy lớp học phần theo thẩm quyền quản lý của khoa.

c) Giảng viên trực tiếp phụ trách giảng dạy lớp học phần.

d) Mã và tên lớp học phần theo quy ước hệ thống mã của Trường.

Điều 10. Đăng ký học

1. Đăng ký học các học phần

a) Trong năm học đầu tiên của khóa học, NCS phải đăng ký học và hoàn thành các học phần bổ sung và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

b) Việc tổ chức đăng ký học các học phần trong chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định trước mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của Trường.

c) Thông tin lớp học phần (học phần, giảng viên, lịch học, tình trạng đăng ký học, học phí,...), kết quả học tập của NCS được quản lý thống nhất trong phần mềm quản lý đào tạo của Trường.

2. Đăng ký tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ, đề tài luận án

a) Đối với các chuyên đề mở (là chuyên đề có tên và nội dung không được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo), NCS trao đổi với cán bộ hướng dẫn luận án xác định chuyên đề và xây dựng đề cương chuyên đề. Trưởng đơn vị chuyên môn

thông qua tên, đề cương chuyên đề và báo cáo Phòng Đào tạo và giao cán bộ hướng dẫn luận án của NCS hướng dẫn NCS thực hiện chuyên đề.

b) Đối với các chuyên đề cố định (tên và nội dung được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo), có thể được thực hiện bằng hình thức tự học có hướng dẫn hoặc lên lớp. Giảng viên phụ trách chuyên đề có trách nhiệm hướng dẫn những kiến thức thuộc chuyên đề cho NCS và hướng dẫn NCS tự nghiên cứu để hoàn thành chuyên đề.

c) Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phải được hoàn thành trong vòng 24 tháng kể từ khi có quyết định NCS.

d) Đề tài luận án và cán bộ hướng dẫn luận án cho NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị căn cứ trên đề tài đã được đánh giá trong quá trình xét tuyển.

3. Đăng ký học lại các học phần:

a) Nếu có điểm đánh giá học phần bắt buộc ở trình độ tiến sĩ dưới 5,5 điểm, NCS phải đăng ký học lại học phần bắt buộc.

b) Nếu có điểm đánh giá học phần tự chọn ở trình độ tiến sĩ dưới 5,5 điểm, NCS có thể đăng ký học lại học phần tự chọn này hoặc học phần tự chọn khác.

4. Khối lượng học tập của NCS được chính thức công nhận khi NCS đã nộp kinh phí đào tạo theo quy định.

Điều 11. Đánh giá kết quả học tập các học phần

1. Điểm đánh giá học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm đánh giá kết thúc học phần. Trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm đánh giá kết thúc học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được công bố cho NCS biết ngay khi bắt đầu học học phần. Điểm đánh giá kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 50%.

2. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá bộ phận và kết thúc học phần (học phần bổ sung và học phần thuộc trình độ tiến sĩ) do giảng viên phụ trách học phần đảm nhiệm theo quy định của Trường.

3. Điểm đánh giá bộ phận và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang 10, lẻ đến 0,5. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận, điểm đánh giá kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng. NCS không dự kiểm tra, không dự thi kết thúc học phần mà không có lý do chính đáng sẽ phải nhận điểm 0.

Điểm đạt yêu cầu đối với học phần trình độ tiến sĩ là từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10.

4. Điểm học phần được công nhận để xét điều kiện NCS đăng ký đánh giá luận án là điểm cao nhất trong các lần học.

5. Điểm học phần phải được công bố cho NCS biết, không quá 30 ngày kể từ ngày thi đánh giá kết thúc học phần theo kế hoạch của Trường.

6. Các bài kiểm tra, bài thi, hồ sơ liên quan được bảo quản và lưu giữ theo quy định của Trường về bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Điều 12. Đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ

1. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày của NCS trước tiểu ban đánh giá.

2. Hiệu trưởng quyết định thành lập tiểu ban chuyên môn đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ của từng NCS, theo đề nghị của Trưởng đơn vị chuyên môn. Tiểu ban chuyên môn gồm 3 thành viên, có học vị từ tiến sĩ trở lên đủ 36 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận học vị tiến sĩ, hiểu biết sâu về chuyên đề và lĩnh vực nghiên cứu của NCS, trong đó có một người là cán bộ hướng dẫn luận án NCS.

3. Trường hợp NCS bảo vệ chuyên đề tiến sĩ bằng ngoại ngữ, các thành viên tiểu ban chuyên môn phải đáp ứng các điều kiện nêu ở Khoản 2 Điều này và thành thạo ngoại ngữ.

4. Điểm đánh giá tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ là trung bình cộng (lấy đến một số lẻ) điểm chấm của các thành viên theo thang điểm 10 lấy lẻ đến 0,5. Điểm đạt yêu cầu đối với tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ là từ 6,5 trở lên.

Điều 13. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại Khoản 1, 3, và 5 của Điều 6, trong thời gian quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 14. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại điểm 1 khoản 29 Điều 1 Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;
- c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;
- d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học 2012, khoản 30 Điều 1 Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018 và các quy định liên quan.

Điều 15. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 29 Điều 1 Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 36 tháng làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;
- c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;
- d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỳ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của NCS;
- e) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại Điểm d Khoản này, người hướng dẫn phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;
- f) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;
- g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. Mỗi NCS có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

- a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học 2012 và khoản 30 Điều 1 Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 NCS; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 NCS;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS mới nếu trong vòng 72 tháng tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 NCS có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 27 của Quy định này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

e) Thông qua luận án của NCS, đề nghị để luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và ở Hội đồng đánh giá cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy định này;

f) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học 2012 và khoản 31 Điều 1 Luật giáo dục đại học sửa đổi 2018.

2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khóa và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.

3. Được đăng ký với đơn vị chuyên môn và Phòng Đào tạo để thực hiện các hoạt động trợ giảng và hỗ trợ đào tạo cho Trường: trợ giảng đại học hoặc cao học; hướng dẫn bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập, chấm bài tập; hướng dẫn đồ án tốt nghiệp đại học.

4. Mỗi học kỳ, NCS phải báo cáo trực tiếp một lần tại đơn vị chuyên môn theo kế hoạch đào tạo Trường đã ban hành về kết quả nghiên cứu, tiến độ nghiên cứu. Nếu có 2 học kỳ NCS không báo cáo kết quả nghiên cứu mà không có lý do chính đáng sẽ bị buộc thôi học.

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của nghiên cứu sinh.
2. Quản lý NCS trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.
3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.
4. Tổ chức đánh giá luận án của NCS ở đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trên cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Quy định này.
5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của Trường

1. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Trường.
3. Tổ chức thực hiện đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.
4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, NCS và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).
5. Tạo điều kiện cho NCS công bố kết quả nghiên cứu tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở cấp quốc gia và quốc tế.
6. Thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ.
8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định, bao gồm:
 - a) Vào tháng 12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục 1);
 - b) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 2);
 - c) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 19. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, chưa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn; giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án; có giá trị trong việc phát triển tri thức khoa học.

2. NCS phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu định kỳ 6 tháng/lần trong suốt thời gian thực hiện luận án. Kết quả báo cáo định kỳ là điều kiện xem xét đề nghị cho bảo vệ luận án.

3. Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

4. Cấu trúc và nội dung của luận án có tối thiểu các phần sau:

a) Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học của đề tài.

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở ngoài nước, trong nước; chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu đề tài, nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu.

c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thiết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và đánh giá.

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị những nghiên cứu tiếp theo.

e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn theo quy định.

f) Danh mục các công trình khoa học, bài báo đã công bố có liên quan đến đề tài luận án nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả.

g) Phụ lục (nếu có).

5. Hình thức trình bày, cấu trúc luận án: theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.

6. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu.

7. Yêu cầu về công bố khoa học: có tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỳ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

8. Khuyến khích NCS viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

Điều 20. Quy trình đánh giá luận án

Quy trình đánh giá luận án tiến sĩ gồm 3 bước sau đây:

1. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn;
2. Phản biện độc lập luận án;
3. Đánh giá luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 21. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn

1. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

2. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung quy định tại Khoản 6 Điều 6, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 7 và đảm bảo điểm học phần theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Quy định này;

b) Đạt yêu cầu về công bố khoa học theo quy định tại Khoản 7 Điều 19 của Quy định này;

c) Có đầy đủ nhận xét đánh giá định kỳ về kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Quy định này.

d) Đã hoàn thành luận án đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy định này.

e) Có tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định.

f) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

g) Không trong thời gian thi hành án hình sự hoặc kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Tổ chức đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn

a) Sau khi NCS đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này, đơn vị chuyên môn tổ chức seminar khoa học để đánh giá luận án và lấy ý kiến rộng rãi các nhà khoa học cho luận án. NCS phải trình luận án và trình bày toàn bộ kết quả luận án tại seminar này. Chủ trì và Thư ký seminar do Trưởng đơn vị chuyên môn chỉ định với sự tham gia của đại diện Phòng Đào tạo. Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Trường.

b) Các ý kiến của các nhà khoa học; giải đáp và tiếp thu của NCS và cán bộ hướng dẫn phải được ghi đầy đủ trong biên bản, được đơn vị chuyên môn và Phòng Đào tạo xác nhận.

c) Cán bộ hướng dẫn và NCS tiếp thu và chỉnh sửa luận án theo góp ý của các nhà khoa học trong các seminar khoa học, kèm theo bản giải trình các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án.

d) Khi không đủ tỷ lệ số nhà khoa học tán thành đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường (theo Điểm e Khoản 3 Điều này), NCS phải hoàn thiện luận án và trình bày lại tại seminar khoa học. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường.

e) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư ($\frac{3}{4}$) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Điều 22. Phản biện độc lập luận án

1. Đơn vị chuyên môn chuyển biên bản các seminar khoa học, luận án của NCS đã được hoàn thiện và các ý kiến giải trình của NCS và CBHD về Phòng Đào tạo.

2. Nhà trường mời 2 người phản biện độc lập luận án. Phản biện độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn như thành viên Hội đồng đánh giá luận án được quy định tại Khoản 2 Điều 24 của Quy định này, đồng thời đáp ứng đủ các yêu cầu: là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với NCS và CBHD; không cùng cơ quan công tác với NCS; không cùng cơ quan công tác với CBHD; không là đồng tác giả với NCS trong các công bố khoa học có liên quan đến đề tài luận án; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và cán bộ hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Phòng Đào tạo thụ lý hồ sơ đánh giá luận án có trách nhiệm bảo mật thông tin của phản biện độc lập. NCS và CBHD không được tìm hiểu, tiếp xúc hoặc trao đổi với phản biện độc lập dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường.

5. Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc luận án và các công trình khoa học đã công bố của NCS và có ý kiến về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, những điểm sai của luận án cần sửa chữa; sự phù hợp giữa đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án với các đề tài, luận văn, luận án, công trình khoa học khác; tính trung thực, rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về nội dung, chất lượng các công trình đã công bố; những yêu cầu NCS phải chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có).

6. Phản biện độc lập cho ý kiến kết luận theo một trong ba mức: đồng ý; đồng ý nhưng có yêu cầu sửa chữa bổ sung; không đồng ý để luận án được đưa ra Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ. Trường hợp phản biện độc lập kết luận đồng ý nhưng có yêu cầu sửa

chưa bổ sung, NCS cần tiếp thu và sửa chữa hoặc bảo lưu và giải trình (không cần gửi lại cho phản biện để lấy ý kiến đồng ý hay không đồng ý) bằng văn bản để lưu hồ sơ và trình bày công khai trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ. Hội đồng xem xét nội dung giải trình để đánh giá.

7. Phản biện độc lập bảo mật thông tin về nhận xét luận án, không tiếp xúc với NCS và CBHD. Các yêu cầu của phản biện độc lập và giải trình của NCS, CBHD là thông qua Trưởng phòng Phòng Đào tạo. Phản biện độc lập gửi nhận xét luận án trong thời hạn ghi trong thư mời của Trường. Sau 30 ngày kể từ ngày hết hạn ghi trong thư mời, nếu không nhận được bản nhận xét luận án thì Trường có thể mời phản biện độc lập khác để thay thế.

8. Xử lý kết quả phản biện độc lập:

a) Trường hợp cả 02 phản biện độc lập đều tán thành, luận án được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ.

b) Nếu có 01 phản biện độc lập không tán thành và 01 phản biện độc lập tán thành thì luận án phải được gửi đến phản biện độc lập thứ 3 để lấy ý kiến. Khi phản biện độc lập thứ 3 tán thành thì luận án được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ.

c) Nếu cả 2 phản biện độc lập không tán thành, hoặc phản biện độc lập thứ 3 không tán thành (đối với trường hợp đã có 1 trong 2 phản biện không tán thành) thì luận án được trả về đơn vị chuyên môn để NCS chỉnh sửa và đơn vị chuyên môn phải tổ chức lại semimar khoa học để đánh giá luận án theo quy định tại Điều 21 Quy định này. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị tổ chức seminar đánh giá luận án sớm nhất 03 tháng kể từ ngày có quyết định trả lại luận án về đơn vị chuyên môn. Sau khi chỉnh sửa và báo cáo tại seminar khoa học ở đơn vị chuyên môn, luận án phải được gửi lại các phản biện độc lập lần đầu không tán thành đưa luận án ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án.

d) Nhận xét của mỗi phản biện độc lập (không có tên người phản biện) được gửi cho đơn vị chuyên môn để yêu cầu NCS tiếp thu chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của phản biện độc lập hoặc giải thích bảo lưu các quan điểm của mình.

e) Luận án được các phản biện độc lập tán thành và được NCS bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện (có xác nhận của CBHD và Trưởng đơn vị chuyên môn) mới được Phòng Đào tạo tiến hành làm thủ tục thành lập Hội đồng đánh giá luận án.

Điều 23. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường khi đảm bảo đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

b) Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 22 của Quy định này tán thành;

c) NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

d) NCS hoàn thành nghĩa vụ về tài chính cho Trường và các đơn vị khác có liên quan đến thực hiện luận án (nếu có).

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm:

- a) Toàn văn luận án;
- b) Tóm tắt luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
- c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại Khoản 6 Điều 19 Quy định này (nếu có);

e) Văn bản của CBHD và đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

f) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiêu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận NCS và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại Điểm a, b, c, d của Khoản 2 Điều này; Phòng Đào tạo tập hợp các tài liệu còn lại.

Điều 24. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS;

- c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS; người phản biện phải có tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo khoa học, trong đó có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỳ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

- a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo tối đa không quá 03 người;

b) Hiệu trưởng quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của NCS các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại Trường.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của NCS; có năng lực và uy tín chuyên môn.

b) Các phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; phải có trách nhiệm cao trong việc đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Ngoài các tiêu chuẩn thành viên Hội đồng, phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học của luận án, và đáp ứng các điều kiện:

- Công tác ở các cơ quan khác nhau, trong đó tối thiểu có 2 phản biện ngoài Trường và trong số đó có ít nhất 01 người đã được mời phản biện độc lập;

- Không là đồng tác giả với NCS trong các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án;

- Không cùng cơ quan công tác với NCS và không là cấp dưới trực tiếp của NCS;

c) Đại diện tập thể hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 25. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án ở cấp trường

1. Toàn văn luận án; tóm tắt luận án; các bản nhận xét của các phản biện độc lập; bản giải trình tiếp thu, chỉnh sửa của NCS phải được gửi đến các thành viên Hội đồng tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án.

2. Mỗi thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án và các ý kiến tiếp thu, sửa chữa, giải trình của NCS về nhận xét của các phản biện độc lập bằng văn bản gửi đến Phòng Đào tạo chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án.

3. Thời gian, địa điểm tổ chức bảo vệ luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tối thiểu 20 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án, trừ những luận án bảo vệ mật.

4. Không có khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận án trước phiên họp Hội đồng.

5. Hội đồng đánh giá luận án không họp nếu xảy ra một trong các tình huống:

a) Không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này;

b) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Thư ký;

- c) Vắng mặt phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ 2 thành viên Hội đồng trở lên;
- e) NCS đang trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;
- f) Có từ 02 thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này được xem là không được Hội đồng đánh giá thông qua; không cần tổ chức bảo vệ luận án.

Điều 26. Tổ chức đánh giá luận án

1. Phòng Đào tạo trực tiếp thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án. NCS không tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án, không liên hệ, tiếp xúc với các thành viên Hội đồng trước khi bảo vệ luận án.
2. Luận án được tổ chức bảo vệ công khai, trừ các trường hợp được bảo vệ mật theo quy định. Mỗi thành viên Hội đồng có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về luận án trước khi đánh giá. Ý kiến của phản biện độc lập và giải trình, chỉnh sửa của NCS phải được trình bày công khai trước Hội đồng để xem xét, đánh giá.
3. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín, mỗi phiếu có ý kiến “Đạt” hay “Không đạt”. Luận án không được Hội đồng thông qua nếu có ít nhất 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi họp bỏ phiếu đánh giá “Không đạt”.
4. Hội đồng thông qua quyết nghị về luận án. Quyết nghị của Hội đồng phải nêu được các vấn đề: Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án; tính hiện đại, hợp lý, độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu; các kết quả nghiên cứu mới của luận án; những thiếu sót của luận án về nội dung và hình thức; tán thành đề nghị công nhận học vị hay không công nhận học vị tiến sĩ ngành/ chuyên ngành cho NCS; đề nghị khen thưởng đối với luận án đặc biệt xuất sắc.
5. Biên bản buổi bảo vệ luận án được toàn thể các thành viên Hội đồng có mặt trong phiên họp thông qua và có chữ ký xác nhận của Thư ký và Chủ tịch.
6. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ đánh giá luận án hoặc quá 90 ngày kể từ ngày thành lập mà không tổ chức được phiên họp đánh giá luận án. Trường hợp quá 90 ngày kể từ ngày thành lập mà không tổ chức được phiên họp đánh giá luận án, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần 2. Không thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần thứ 3.
7. Trường hợp cần thiết có lý do chính đáng phải thay đổi thành viên Hội đồng đánh giá luận án, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh. Thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của Hội đồng (theo quy định tại Khoản 6 Điều này) được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

Điều 27. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án thông qua thì NCS được phép sửa chữa luận án để bảo vệ lần thứ 2. Lần bảo vệ thứ 2 phải được tổ chức trong khoảng thời gian từ 6 tháng đến 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất và không vượt quá thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn) được phép quy định tại Khoản 3, 5 Điều 7 của Quy định này.

2. Hồ sơ đề nghị tổ chức bảo vệ lại luận án, ngoài các nội dung quy định đối với bảo vệ lần thứ nhất, còn phải có thêm bản tường trình về nội dung bổ sung, sửa chữa, hoàn thiện luận án của NCS và CBHD và văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho NCS bảo vệ lần thứ 2.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án. Kinh phí tổ chức họp Hội đồng do NCS tự túc chi trả.

4. Không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

Điều 28. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Khi luận án đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận bằng văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước thì chỉ những người, tổ chức trong danh sách án định được Hiệu trưởng phê chuẩn mới được tiếp cận nội dung (một phần hoặc toàn phần luận án), các trang thiết bị nghiên cứu và số liệu thử nghiệm, tính toán, kết quả nghiên cứu. Danh sách này phải được các cơ quan liên quan đến việc bảo mật thẩm định và đề nghị. Các tài liệu này phải được đóng dấu mật.

3. NCS thực hiện luận án được xác định là mật theo quy định tại Khoản 1 Điều này được miễn công bố bài báo theo quy định tại Khoản 7 Điều 19.

4. Trình tự buổi bảo vệ luận án theo chế độ mật được tiến hành tương tự như bảo vệ luận án công khai. Thời gian, địa điểm bảo vệ chỉ được thông báo cho những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự; không đăng báo hoặc đăng mạng công khai.

5. Ngoài các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, NCS bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với NCS.

6. Các bước tiến hành và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án theo chế độ mật:

a) Cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng kết quả nghiên cứu của luận án gửi công văn đề nghị cho Trường;

b) Phòng Đào tạo phối hợp với đơn vị chuyên môn lập hồ sơ dự kiến các thành viên tham gia seminar khoa học đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; danh sách những người ngoài Hội đồng được mời tham dự; danh sách những cá nhân, cơ quan được gửi tóm tắt luận án. Các danh sách này phải được các cơ quan có liên quan thẩm định và đề nghị.

c) Hiệu trưởng quyết định cho phép luận án được đánh giá và bảo vệ theo chế độ mật. Phòng Đào tạo thông báo cho đơn vị chuyên môn, CBHD và NCS biết để chuẩn bị số lượng bản thảo luận án; tóm tắt luận án; các bản chính thức luận án với số lượng xác định theo danh sách đã được thẩm định và đề nghị. Các tài liệu này phải được đóng dấu mật.

d) Luận án được đánh giá qua các bước: ở đơn vị chuyên môn; phản biện độc lập luận án; đánh giá tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường

e) Chỉ gửi luận án và tóm tắt luận án cho những cơ quan đơn vị và cá nhân trong danh sách đã được xác định. Toàn bộ hồ sơ buổi bảo vệ mật được quản lý theo Quy chế bảo mật của Nhà nước.

f) Trình tự buổi bảo vệ luận án theo chế độ mật được tiến hành như bảo vệ luận án theo chế độ công khai. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ được thông báo cho những người được phép tham dự và những người có trách nhiệm biết; không đăng bá, đăng mạng công khai.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 29. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Khi có yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với Trường về việc thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án, Trường thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 08 của BGD&ĐT.

Chương VII

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 30. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

1. NCS được Trường xét cấp bằng tiến sĩ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 6 của Quy định này;

b) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua và đủ 90 ngày kể từ khi NCS đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 3 và Điểm a, Khoản 4 Điều 25 và Khoản 1 Điều 27 của Thông tư 08; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại Khoản 2 Điều 25 của Thông tư 08;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Trường và nộp toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng (cả bản in và file pdf) có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có) cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Học liệu và Truyền thông của Trường;

e) Có minh chứng đã cập nhật đầy đủ thông tin về NCS trong phần mềm quản lý đào tạo của Trường;

f) Không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

e) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

f) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam; của Trung tâm Thông tin học liệu và Truyền thông của Trường;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 28 của Quy định này;

h) Minh chứng NCS tham gia các hoạt động đào tạo của Trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Quy định này.

i) Hồ sơ đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn.

3. Phòng Đào tạo tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho NCS khi NCS đáp ứng đầy đủ điều kiện qui định tại Khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để thông qua danh sách NCS được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Chương VIII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 32. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của Đại học Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

2. Phòng Thanh tra - Pháp chế Trường thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường theo quy định hiện hành và kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Hiệu trưởng xử lý theo quy định.

Điều 33. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Điều 29 của Quy định này.

3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại Điểm b, Khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại Điều 26 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 08.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34: Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2019.

2. Đối với các khóa tuyển sinh đã có quyết định công nhận NCS trước ngày 20/5/2017, thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDDT ngày 07/5/2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDDT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 1636/QĐ-DHĐN ngày 26/4/2010.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 20/5/2017 đến hết ngày 31/12/2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn NCS và quy định về điều kiện NCS được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 08.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập hoặc có vấn đề mới nảy sinh cần bổ sung, sửa đổi, các đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời với Phòng Đào tạo để tổng hợp ý kiến trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đoàn Quang Vinh

PHỤ LỤC 1

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH HÀNG NĂM

Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-DHbk ngày 05 tháng 03 năm 2019

của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

DẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Số: /QĐ-DHbk

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 201...

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM ...

I. Số lượng nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu tại cơ sở đào tạo

Khoá đào tạo (năm bắt đầu đào tạo)	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Số lượng nghiên cứu sinh hiện đang học tập tại cơ sở				Số sẽ tốt nghiệp năm sau			
		Tổng	Loại ... năm	Loại ... năm	Ghi chú	Tổng	Loại ... năm	Loại ... năm	Ghi chú

II. Kế hoạch chỉ tiêu tuyển mới năm tiếp theo

(Báo cáo và lập biểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh)

III. Các hướng nghiên cứu và dự kiến người hướng dẫn cho kế hoạch tuyển mới

TT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hướng dẫn dự kiến	Số lượng NCS có thể nhận
1				

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH
ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ HÀNG NĂM
Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-DHBK ngày 05 tháng 03 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Số: /QĐ-DHBK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng năm 201...

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ THÀNH CÔNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng năm)

TT	Họ và tên NCS	Quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ cấp trường, viện	Kết quả bảo vệ	Ghi chú
1							

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 3
HÌNH THỨC VÀ CẤU TRÚC LUẬN ÁN TIẾN SĨ

*Kèm theo Quyết định số 405 /QĐ-DHBK ngày 05 tháng 03 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng*

1. Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài. Tệp tin luận án được biên soạn bằng phần mềm Microsoft Office hoặc LaTeX. Cỡ chữ phần nội dung căn bản của luận án là 12 hoặc 13.

2. Có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án.

3. Cấu trúc của luận án gồm:

a) Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

c) Cơ sở lý thuyết, lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu;

d) Kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án theo quy định của cơ sở đào tạo;

g) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);

h) Phụ lục (nếu có).